

NHÂN SINH QUAN PHẬT GIÁO VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ TRONG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN Y DƯỢC VIỆT NAM HIỆN NAY

HOÀNG THỨC LÂN* - PHẠM THỊ MINH**

Ngày nhận bài: 18/03/2017; ngày sửa chữa: 20/03/2017; ngày duyệt đăng: 21/03/2017.

Abstract: Educating professional ethics for students is one of important tasks of medicine and pharmacy schools with aim to train medical practitioners with profound knowledge and a kind heart. Therefore, educating traditional values and humanity of religions such as Buddhism should be considered in training programme of medicine schools. The article presents the humanistic values of Buddhism and points out significance of these values in professional ethics education for students majoring in medicine and pharmacy in Vietnam.

Keywords: Humanity, Buddhism, moral education, medical students.

1. Nhân sinh quan (NSQ) Phật giáo

NSQ Phật giáo là hệ thống các quan điểm của Phật giáo về nguồn gốc, bản chất và cấu tạo, về cuộc đời của con người đó là sự “khổ”, lí giải nguyên nhân vì sao “khổ”, thái độ, hành vi, phương pháp tu tập của con người để thoát khổ. Phật giáo dựa trên triết lí nhân quả, ra đời nhằm cứu khổ, cứu nạn nên triết lí nhân sinh chứa đựng giá trị nhân văn, nhân đạo sâu sắc. Triết lí nhân sinh của Phật giáo bao gồm: *Tư tưởng luân hồi - nghiệp báo; tứ diệu đế; thập thiện, bát chính đạo và Niết bàn.*

1.1. Tư tưởng luân hồi - nghiệp báo. Theo Phật giáo, luật “nhân quả” biến hoá vô thường, không có cái bản ngã cố định, không có cái thực thể, không có hình thức nào tồn tại vĩnh viễn. “Cái nhân” nhờ có “cái duyên” mới sinh ra được “quả”, “quả” lại nhờ có “duyên” mà thành “nhân” khác, “nhân” khác lại thành “quả”... Cứ thế nối tiếp nhau sinh sinh, diệt diệt, vô cùng vô tận.

Nhân chính là nguyên nhân bên trong trực tiếp sinh ra kết quả, *Quả* là kết quả, *Nhân* là năng lực phát động, *Quả* là sự hình thành của năng lực phát động ấy. *Nhân* và *Quả* là 2 trạng thái tiếp nối nhau được hình thành trong quá trình phát sinh, phát triển và tiêu vong của vạn vật. Nếu không có *nhân* thì không có *quả*; nếu không có *quả* thì không có *nhân*. Nguyên nhân chính trực tiếp của một hiện hữu là nhân, nguyên nhân gián tiếp ảnh hưởng đến quả là duyên - đây gọi là những điều kiện phụ thuộc; trong đó, duyên dùng để chỉ nguyên nhân gián tiếp. Thập nhị nhân duyên sẽ tạo thành vòng tròn *nghiệp báo luân hồi*. Phật giáo cho rằng, con người phải chịu trách nhiệm trước hành vi và hậu quả của mình. Nghiệp là sự hoạt động của ý nghĩ, lời nói và hành động của mỗi người tạo thành kết quả về sau. Trong triết lí nhân sinh Phật giáo, nhân -

quả, luân hồi, là dòng biến động sinh diệt nối tiếp vô cùng, vô tận của đời sống, trong vòng bánh xe sinh tử, kiếp sau sẽ gặt hái hậu quả của kiếp trước để rồi lại gieo nhân cho những kiếp sống kế tiếp, bức tranh hậu kiếp được hình thành bởi những nét vẽ của tiền kiếp... Nghiệp gắn bó, chi phối đời sống của con người, gieo nhân nào hưởng quả ấy; làm lành được quả tốt, làm ác chịu quả xấu, người trồng thì người hưởng.

1.2. Tứ diệu đế trong quan niệm nhân sinh của Phật giáo.

- *Khổ đế:* Phật giáo quan niệm cuộc đời con người là bể khổ. Bát khổ theo quan niệm của Phật giáo đó là: sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt li là khổ, oán tăng hội, sở cầu bất đắc, ngũ thụ uẩn là khổ... Cái khổ của con người mang tính tất yếu, Đức Phật cho rằng con người sinh ra đã là khổ, vì có sinh là có diệt, đây là quy luật tất yếu của tự nhiên. Sinh ra để tồn tại được con người phải trải qua rất nhiều biến cố, thăng trầm, đối mặt với nhiều tác động của tự nhiên, xã hội và bản thân, nên phải suy nghĩ, lưu tâm để suy xét chín chắn, biết rõ luân hồi là khổ, để tránh khỏi vòng luân hồi bất tận đó, con người phải diệt trừ vô minh, tiêu trừ “sân hận” để được giải thoát.

- *Tập đế - những nguyên nhân sâu xa của khổ.* Đức Phật dạy rằng, vạn vật trên đời đều nằm trong mối quan hệ nhân quả mà sinh hay diệt. Bản thân mỗi người lại phải chịu khổ, nhưng cái khổ nơi con người không phải tự nhiên, hay ngẫu nhiên mà có, nó lệ thuộc vào “tập nhân” rồi theo “luật nhân quả” chi phối. Tập nhân là “vô minh”, chính vì “vô minh” nên con người muốn tồn tại mãi, nhưng thực tại cứ luôn biến đổi trong dòng chảy vô cùng, vô tận, trong vòng

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

** Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

sinh, lão, bệnh, tử; cũng chính vô minh nên con người luôn coi bản thân mình là nhất và chỉ có ta, không biết được tầm quan trọng của mỗi nhân duyên; cứ lầm tưởng rằng “cái tôi” là quan trọng, là cái có thực cần phải bám víu, củng cố và thỏa mãn nhu cầu của cái tôi. *Tham, sân, si (tam độc)*, là 3 thứ phiền não căn bản, nguyên nhân nảy sinh vô số phiền não. Tóm lại, có thể quy về 12 nguyên nhân sinh ra phiền não của con người đó là: Vô minh - Hành - Thức - Danh sắc - Lục nhập - Xúc - Thọ - Ái - Thủ - Hữu - Sinh - Lão tử.

- *Diệt đế* là chân lý mà Đức Phật dạy chúng ta cần phải thực hành để đạt được trạng thái tiêu diệt nguyên nhân gây khổ đau. Diệt đế là khả năng triệt tiêu được sự đau khổ nơi cuộc sống nhân sinh để dẫn đến cảnh giới *Niết bàn* (Nirvana). Phật giáo quan niệm, đời người là bể khổ, song con người hoàn toàn có khả năng tự tận diệt được nỗi khổ đau nơi cuộc sống nhân sinh để đạt được an lạc, hạnh phúc; diệt được ái dục, phá được chấp ngã, xoá bỏ được vô minh. *Niết bàn* trong Phật giáo không phải là thiên đường như Thiên Chúa giáo, mà là một trạng thái tâm linh hoàn toàn thanh thản, yên tĩnh, sáng suốt, không vọng động, diệt ái dục, xoá bỏ vô minh, chấm dứt mọi khổ đau, phiền não.

Để đạt đến cảnh giới *Niết bàn*, Phật giáo khuyên con người nên tu tập theo *Giới - Định - Tuệ*; trong đó, *Bát chính đạo* là phương hướng chung cho mọi ngã đường dẫn đến *Niết bàn*; con người nên yêu thương, chia sẻ, “từ bi, hỉ xả” để mình và mọi người đều được hưởng hạnh phúc. Trong đó: *Từ* là tâm phải tĩnh, chân thành, cởi mở, biết yêu thương, tôn trọng con người và vạn vật trên trái đất; làm việc gì cũng phải biết đặt lợi ích của con người, tập thể, xã hội lên trên hết, mong tất cả được an lành, hạnh phúc. *Bi* là sự thương xót, cảm thông trước nỗi đau khổ của người khác, là liều thuốc chữa bệnh tàn bạo, độc ác; là động lực thúc đẩy con người rung động và hành động trước sự đau khổ, bất hạnh của người khác; thông cảm, chia sẻ, xoa dịu nỗi đau của người khác với mong muốn sẽ giúp chúng sinh thoát khỏi khổ đau. *Hỉ* là vui vẻ, hạnh phúc khi chúng sinh được hạnh phúc; không ganh ghét, đố kị, sân hận. *Xả* là khoan dung, độ lượng, biết buông bỏ; không tham lam, ích kỉ. Đây cũng chính là tinh thần lạc quan tôn giáo và tính nhân bản của Phật giáo tôn trọng con người và đưa con người về vị trí của nó, hướng con người đến niềm hạnh phúc tuyệt đối - khát vọng của con người muốn đạt tới chân - thiện - mỹ.

- *Đạo đế* là con đường thực hành để diệt khổ. Theo quan niệm của Phật giáo, có nhiều con đường để thoát khổ, trong đó con đường tu “Trung đạo”: *Giới - Định - Tuệ* (tam giới) mà chi tiết là *bát chính đạo*, còn

gọi là “tám con đường” tu đạo đức, trí tuệ và niềm tin kết hợp.

1.3. Thập thiện (*tránh 3 nghiệp ác của thân: sát sinh, trộm cắp, tà dâm; tránh 4 nghiệp ác của khẩu: nói dối, nói lời hai chiều, nói lời ác độc, nói lời thù ghét; tránh 3 nghiệp ác của ý: tham, sân, si*). Nhắc nhở mỗi người trước khi hành động, phải biết đánh giá những giá trị, lợi ích cũng như những thiệt thòi, mất mát của người khác dưới con mắt của mình. Phật dạy, những điều có lợi mang đến sự tốt đẹp cho bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội thì khó khăn đến mấy cũng phải cố gắng nỗ lực để làm cho bằng được; còn, những việc xấu, bất lợi cho mình và cho người thì dù là điều nhỏ nhất cũng nên tránh. Nếu cuộc sống, mỗi người trong chúng ta biết sống bao dung hơn, vị tha hơn, trung thực và trong sáng hơn thì cuộc đời sẽ tốt đẹp, không còn khổ đau, phiền não.

1.4. Bát chính đạo là phương thức thực hành để đoạn tuyệt đau khổ của con người. Mỗi người nỗ lực rèn luyện đạo đức, diệt tham, sân, si, diệt trừ vô minh bằng “ngọn đèn trí tuệ” để đạt tới cõi Niết bàn, cõi tâm linh thanh tịnh, tịch diệt, thuần khiết, hạnh phúc và tự do tuyệt đối. Trong đó, mỗi một nội dung của *Bát chính đạo* lại có giá trị riêng: - *Chính kiến* là sự hiểu biết, nhìn nhận đúng đắn, nhận thức rõ về *tứ diệu đế*, hiểu đúng về bản chất của tất cả sự vật, hiện tượng đang hiện hữu trong đời sống. Người có chính kiến sẽ biết phân biệt đúng sai, từ đó điều chỉnh mọi hành động theo tâm trí sáng suốt; - *Chính tư duy* là sự suy nghĩ, phán xét đúng với lẽ phải sau khi đã thấu hiểu bản chất tất cả hiện tượng cũng như sự vật trong cuộc sống; - *Chính ngữ*, lời nói chân chính, có lợi cho mình và tất cả mọi người, không nói điều sai trái để tạo nghiệp ác; - *Chính nghiệp* là hành động chân chính, sống bằng nghề nghiệp, việc làm chân chính, lương thiện, đúng lẽ phải, có khả năng tạo nghiệp thiện; không phạm pháp, không sát sinh, trộm cắp hay tà dâm, không làm việc trái với lương tâm đạo đức, để 3 nghiệp trong sạch (thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp); - *Chính mệnh* là nuôi dưỡng *mệnh* sống của mình một cách chân chính. Tôn trọng và bảo vệ sinh mệnh của người khác như sinh mệnh của mình, không làm những điều có hại đến sinh mệnh của người khác; - *Chính tinh tiến* là cố gắng chân chính, gồm: cố gắng diệt trừ cái ác đã phát sinh, cố gắng đè nén cái ác đang hoặc sắp phát sinh, cố gắng nuôi dưỡng và phát huy cái thiện, làm nhiều việc thiện, việc tốt hơn nữa; - *Chính niệm* là suy nghĩ chân chính, suy nghĩ những điều hay lẽ phải, chỉ suy nghĩ chính pháp, gạt bỏ những suy nghĩ sai lầm và những hành động không đúng đắn, không phù hợp với giáo lý giải thoát mà Đức Phật đã dạy; - *Chính định* là tập trung tư tưởng giữ cho thân

tâm thanh tịnh, trí tuệ được sáng suốt, tâm hồn thanh thản, dứt bỏ mọi buồn, vui của trần tục, nhằm có được cách nhìn tổng thể, khách quan, chân thực về mọi sự vật, hiện tượng của cuộc sống.

1.5. Niết bàn và sự giải thoát. *Niết bàn* trong tiếng Phạn là Nirvana, là sự đoạn trừ dục vọng, dứt nghiệp luân hồi, thanh tịnh tuyệt đối. *Niết bàn* không phải là thế giới của người đã chết, mà là một trạng thái ngay cả con người sống cũng có thể đạt đến được, đây là nơi tĩnh lặng ngưng đọng của không gian, thời gian, mọi dục vọng, tham - sân - si đều bị tiêu trừ hoàn toàn. "*Niết bàn là một trạng thái tâm thức hoàn toàn thanh thản, yên tĩnh, sáng suốt, không dục vọng, diệt dục, xóa vô minh, chấm dứt mọi khổ đau, phiền não*" [1; tr 47]. *Niết bàn* có đặc tính cơ bản sau: - Tâm thức sáng suốt, tiêu trừ những nhận thức sai lầm của con người; - Là trạng thái thanh lương mát mẻ, đoạn trừ dục vọng, chấm dứt đau khổ, phiền não; - Không có thời gian, không gian, vô định về mọi mặt, không có điểm khởi đầu và cũng không có điểm kết thúc; - Vô ngã không hình tướng.

Sự giải thoát là một trong những nội dung trọng tâm, quan trọng nhất của Phật giáo. Chính tư tưởng mong muốn giải thoát khỏi những khổ đau, phiền não đã góp phần hình thành nên tôn giáo Phật giáo. *Giải* nghĩa là cởi ra, tháo ra, tháo bỏ, phân giải, chia tách, làm cho hiểu; *thoát* là vượt ra, siêu việt, vượt lên trên sự ràng buộc hệ lụy. *Giải thoát* là cởi mở sự ràng buộc của vật chất và ý thức vươn đến hạnh phúc tự do theo nguyên nghĩa; là "*sự cởi bỏ những ràng buộc của nghiệp báo luân hồi, những nỗi khổ của thế gian để được tự do, tự tại trong tâm thức*" [2; tr 26].

2. Ý nghĩa của NSQ Phật giáo trong giáo dục đạo đức cho sinh viên (SV) Y Dược Việt Nam hiện nay

2.1. Nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức, lòng yêu thương con người cho SV Y Dược. Triết lý NSQ Phật giáo đã thực sự ăn sâu vào đạo lý truyền thống dân tộc, ảnh hưởng sâu sắc đến tâm lý, lối sống, phong tục, tập quán của xã hội Việt Nam. Đa số người Việt tiếp nhận đạo Phật tự giác, bởi triết lý đạo đức, nhân văn, hướng thiện. Đức Phật dạy công bằng, bác ái, từ, bi, hỷ, xả, không oán ghét, thù hận... Hầu như người dân Việt nào cũng tin rằng: có đức không sức mà ăn; sống vô đạo đức, trái luân thường đạo lý, ắt sẽ bị quả báo. Vì thế, được lĩnh hội triết lý nhân sinh Phật giáo sẽ giúp SV Y Dược sống bao dung, vị tha hơn; đứng trước những mâu thuẫn luôn tìm cách giải quyết nhân văn, lấy ân trả oán để có cuộc sống yên bình, nhân văn, nhân ái. Trong học tập luôn có tinh thần đoàn kết, sẻ chia, giúp đỡ bạn bè; có tinh thần trách nhiệm với Tổ quốc và cộng đồng. Bên cạnh đó, NSQ

Phật giáo giúp cho SV Y Dược có lối sống hướng thiện, vị tha, nhân ái và bao dung với người bệnh; hạn chế những hành vi tiêu cực trong cuộc sống và nghề nghiệp sau này; có thêm động lực để sống đẹp hơn, yêu thương con người và yêu tổ quốc hơn nữa...

2.2. Có thêm động lực để giúp SV làm tốt công việc khám chữa bệnh sau này. Triết lý nhân quả nói chung và *bát chính đạo* nói riêng có ý nghĩa cơ bản sâu sắc về việc rèn luyện và phát triển nhân cách, phẩm chất người bác sĩ, dược sĩ tương lai. Được trang bị giá trị nhân văn trong triết lý nhân sinh Phật giáo giúp SV Y Dược nhận thức được trách nhiệm của bản thân phải rèn luyện chuyên môn vững vàng, kỹ năng giao tiếp, ứng xử bao dung, nhân ái, sống có trách nhiệm hơn với bản thân, hướng tới sự trung thực, ngay thẳng và nỗ lực để vượt khó. Sau khi ra trường, họ sẽ có trách nhiệm với người bệnh, tôn trọng bệnh nhân; chăm sóc sức khỏe cộng đồng chu đáo; không lợi dụng danh lợi nghề nghiệp để làm giàu bất chính. Khi thấm nhuần triết lý đạo đức Phật giáo trong đời sống "ở hiền gặp lành", "ác giả ác báo"... thì họ sẽ cố gắng hoàn thiện bản thân, hướng tới cái thiện, loại trừ cái ác; khắc phục thái độ hách dịch, thô lỗ trong cư xử với bệnh nhân và với người khác... biết nhẫn nại, kiềm chế bản thân, tránh làm những điều ác (quát mắng bệnh nhân, gây khó khăn, phiền hà trong khám chữa bệnh, làm những điều sai trái để vợ vét, móc túi, hành hạ người bệnh...) để tránh rơi vào nghiệp ác, không được tái sinh vào những kiếp tốt đẹp; tự giác rèn luyện, hoàn thiện nhân cách, phẩm chất nhân văn, nhân ái của người thầy thuốc. Mặt khác, nhờ ảnh hưởng của NSQ Phật giáo đã giúp SV Y Dược rèn luyện được đức tính thiện, lòng biết ơn, giá trị nhân văn đối với người bệnh; có hành vi cư xử đúng mực, phù hợp với văn hóa, đạo lý của dân tộc và nghề nghiệp.

NSQ Phật giáo thể hiện một triết lý về sự công bằng, giáo dục con người nói chung và SV Y Dược nói riêng phải biết sống lành mạnh, khuyến khích con người làm nhiều việc tốt, việc thiện, lánh xa điều ác, tránh làm những việc bất nhân phi nghĩa để xây dựng một cuộc sống tốt đẹp nơi trần thế. Chính những giá trị đạo đức trên đây mà Phật giáo ngày càng có vị trí vững chắc trong tâm thức mỗi người dân Việt Nam, khẳng định sức sống lâu bền của nó đối với dân tộc Việt Nam.

2.3. Giáo dục SV Y Dược biết chấp nhận hoàn cảnh thực tại. Theo Phật giáo, mọi phiền não của con người là do tư duy sai lầm về sự vật gây nên. Cho nên, trong đời sống thực tại, khi SV Y Dược đối mặt với những bất cập, rủi ro, bất hạnh, họ sẽ đi tìm nguyên nhân để giải quyết, không rơi vào bất lực, khủng hoảng niềm tin. Điều này, xuất phát từ triết lý Phật giáo là giáo dục con người biết *tự chấp nhận mình*. NSQ Phật giáo

giáo dục SV Y Dược biết chấp nhận sự thật con người mình và cuộc đời mình, tu sửa chính mình mà không đổ lỗi cho người khác, cho xã hội.

Bên cạnh đó, tư tưởng nhân văn của Phật giáo khuyến khích con người đạt được *Niết bàn* nơi trần thế. Theo Phật giáo Đại thừa, con người có thể đạt đến “Niết bàn Hữu dư” - Niết bàn ngay trần thế bằng cách hành thiện tích đức, hiểu được nhân sinh thế thái và biết buông xả những thứ mà con người muốn giữ cho riêng mình: tiền bạc, vật chất, ái tình... và không có thái độ ghen ghét ganh tị với những người hơn mình. Tâm lí của một bộ phận con người Việt Nam, trong đó có SV chung thường có thái độ đố kỵ, ganh tị với những người có học vấn, giàu có hơn mình rồi tìm cách bài xích, bôi xấu. Nhưng NSQ Phật giáo đã chỉ ra nếu có thể buông bỏ được những vô thường đó con người sẽ tránh được “vô minh” và trở lên sáng suốt, sẽ gạt được những dục vọng tầm thường, đố kỵ vụn vặt, những tật xấu khác để sống an lạc, thái hòa.

2.4. Giáo dục cho SV Y Dược sự tự tin trong cuộc sống. Khi nghiên cứu giáo lí của Phật giáo, đặc biệt tư tưởng cho cuộc đời con người là khổ, nên mục đích cuối cùng là giải thoát chúng sinh khỏi mọi nỗi khổ trần gian, đích cao nhất của sự giải thoát là đạt đến *Niết bàn*. Quan niệm của Phật giáo về *Niết bàn* mang đến cho con người một sự tự tin rằng: con người có thể giải thoát khỏi nỗi khổ cuộc đời ngay trong đời này, kiếp này chứ không nhất thiết phải chờ đến khi chết hay kiếp sau. Vì vậy, nắm vững và khai thác được giá trị nhân văn của triết lí nhân sinh Phật giáo sẽ giúp cho SV Y Dược có những hành động tu luyện chân chính, sát thực để diệt khổ đau bằng chính sự nỗ lực tu dưỡng đạo đức, tu tập tâm linh dưới ánh sáng trí tuệ của chính mình mà không rơi vào duy tâm phụ thuộc vào lực lượng siêu nhiên bên ngoài con người.

Niết bàn trong quan niệm của Phật giáo thực chất chỉ trạng thái tâm linh tự do, thanh tịnh tuyệt đối của con người. Nét độc đáo của Phật giáo là hướng về sự giải thoát tâm linh bằng nỗ lực tự thân. Vì vậy, mỗi cá nhân con người nói chung và SV Y Dược nói riêng nếu thực nghiệm nội tâm đúng cách sẽ tìm được cuộc sống vui vẻ, an bình, giản dị, thuận theo hoàn cảnh, không tính toán, so đo. Sự tự tin làm con người có niềm tin hơn vào cuộc sống, điều đó đặc biệt có ý nghĩa hơn đối với con người trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, bởi mất niềm tin là mất tất cả.

2.5. Giáo dục SV có ý thức trách nhiệm cá nhân. Thuyết *Nghiệp báo* của Phật giáo cho rằng, cuộc đời con người do “nghiệp” chi phối. “Nghiệp” chính là hoạt động của thân, lời nói và ý thức của con người tạo nên. Do vậy, “nghiệp” do chính con người tạo ra, không có một quyền lực nào từ bên ngoài thưởng hay phạt nghiệp

của con người. Nếu tạo nghiệp ác, con người phải chịu sự thống khổ; nghiệp thiện đưa con người đến hạnh phúc. “Nghiệp” mang tính chất công bằng tuyệt đối vì nó không chừa một ai. Vì thế, thẩm nhuần tư tưởng này, SV Y Dược sẽ có ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội hơn.

Thuyết *nhân quả, nghiệp báo* và *luân hồi* của Phật giáo giúp con người thấy chết không phải là đã hết, mọi hành động của con người không chỉ ảnh hưởng đến con người cả đời này, kiếp này mà còn ảnh hưởng đến kiếp sau. Mặc dù còn những hạn chế nhất định, nhưng quan niệm đó của Phật giáo toát lên tư tưởng về sự dấn vật trách nhiệm phải gánh chịu của con người qua các kiếp luân hồi. Tư tưởng đó có giá trị lớn đối với giáo dục cho con người tinh thần trách nhiệm cá nhân. Nếu SV Y Dược thẩm nhuần tinh thần trách nhiệm cá nhân trong mỗi lời nói, việc làm của họ thì sẽ tạo cho xã hội đội ngũ thầy thuốc luôn tự giác, trách nhiệm, góp phần tạo nên hình ảnh đẹp của người bác sĩ và dược sĩ tương lai.

Phát huy vai trò của NSQ Phật giáo trong giáo dục đạo đức con người Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện chính sách tôn giáo “tốt đời, đẹp đạo” ở nước ta hiện nay. Việc khai thác giá trị nhân văn, nhân đạo, hướng thiện của Phật giáo trong giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho SV Y Dược là hết sức cần thiết, nhằm giáo dục sự nhẫn nại, tình yêu thương, nhân ái của người thầy thuốc tương lai trong chăm sóc sức khỏe người bệnh. Thực hiện tốt nội dung này không chỉ góp phần xây dựng hình ảnh đẹp về người thầy thuốc mà còn góp phần khắc phục những tiêu cực trong ngành Y Dược ở nước ta hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Toan (2015). *Lịch sử Ấn Độ cổ đại*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Thị Toan (2010). *Giải thoát luận Phật Giáo*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] Trần Trọng Kim (2003). *Phật giáo xưa và Phật giáo ngày nay*. NXB Tôn giáo.
- [4] Nguyễn Hùng Hậu (1996). *Một số suy nghĩ về ảnh hưởng của Phật giáo đối với tư duy của người Việt*. Tạp chí Triết học, số 5, tr 24-26.
- [5] Nguyễn Đăng Duy (1999). *Phật giáo với văn hóa Việt Nam*. NXB Hà Nội.
- [6] Đại tạng kinh Việt Nam (Hòa thượng Thích Minh Châu dịch) (2005). *Kinh Tăng Chi Bộ*. NXB Tôn giáo.
- [7] Nguyễn Bá Hoàn (2007). *Phật giáo và đời sống (Chân dung và đối thoại)*. NXB Lao động.
- [8] Đỗ Minh Hợp (2006). *Tôn giáo phương Đông (Quá khứ và hiện tại)*. NXB Tôn giáo.
- [9] Trương Sỹ Hùng (2007). *Tôn giáo và văn hóa*. NXB Khoa học xã hội.